

Bản án số: 51/2018/HSPT

Ngày: 31/01/2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Điệp.

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Văn Tuấn.

2. Ông Nguyễn Khắc Vương.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Hương - Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Dương Ngọc Ân - Kiểm sát viên.

Ngày 31/01/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh - số 26 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 01, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm Vụ án hình sự thụ lý số 553/2017/HSPT ngày 10/10/2017 bị cáo Lê Thiên B, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 138/2017/HSST ngày 28/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo:

Lê Thiên B (tên gọi khác Mềm); giới tính: Nam; sinh năm 1976 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ĐKKHKT: C15/25 ấp 3, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện nay: nhà không số, tổ 9, ấp 3, xã C, huyện B, Thành phố Hồ chí Minh; trình độ học vấn: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: không; cha: ông Lê Văn T (sinh năm 1951); mẹ: bà Ngô Thúy H (sinh năm 1956); Hoàn cảnh gia đình: vợ tên Đỗ Thị H1 và có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo tạm giam từ ngày 17/4/2016. (có mặt).

Những người tham gia tố tụng khác có kháng cáo hoặc có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị:

1. Bị hại:

Trẻ: Trần Nguyễn Quế T, sinh ngày: 17/01/2000; thường trú tại: C27/23 ấp 3, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị hại:

- Ông Trần Bình Q, sinh năm 1969; thường trú tại: C27/23 ấp 3, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; là cha ruột - đại diện theo pháp luật (vắng mặt);

- Bà Nguyễn Thị Huyền T1, sinh năm 1974; thường trú tại: C27/23 ấp 3, xã A huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; là mẹ ruột - đại diện theo pháp luật (có mặt).

Người bảo vệ quyền lợi của bị hại:

Ông Ngô Quang X, Luật sư, Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Tư vấn hội nhập Toàn Cầu, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Người làm chứng:

Trẻ: Trần Tấn P, sinh ngày 29/4/2000; nơi cư trú: ấp D, xã E, huyện F, tỉnh G (có mặt).

Người đại diện hợp pháp: bà Ngô Thị Thuý L, sinh năm: 1977; nơi cư trú: ấp D, xã E, huyện F, tỉnh G (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo lời khai của người bị hại Trần Nguyễn Quế T thì diễn biến sự việc như sau:

Khoảng 14 giờ 45 ngày 08/01/2016, Trần Nguyễn Quế T ở nhà một mình tại địa chỉ C27/23, ấp 3, xã A, huyện B. Lê Thiên B đi bộ đến đứng trước nhà T. Thấy sợ nên T sử dụng điện thoại di động hiệu Microsoft nhắn tin qua mạng Zalo cho bạn học cùng lớp là Trần Tấn P là “tự nhiên chú đi dô nhà tao đứng đây luôn trời”; P nhắn trả lời “coi chừng nhá”; bé T tiếp tục nhắn “tao muốn quéo rồi nhá”; P trả lời “kêu ông ra, có sao không”. Ngay lúc đó, B nói với T “cho chú đi ra sau nhà cái chú lên liền”; do biết B là bạn với cậu ruột của mình nên T đồng ý. Lát sau, B quay lên, trên tay cầm dao Thái Lan hăm dọa sẽ giết nếu T la lên đồng thời kéo T vào phòng ngủ của T; Khi gần đến phòng ngủ, T vùng vẫy thì B dùng tay nắm tóc T kéo đi vào phòng ngủ. T xin tha thì B kêu T im miệng rồi một tay bóp cổ và một tay cầm dao kề cổ T làm bé T sợ không dám chống cự. Sau đó, B dùng tay cởi hết đồ bé T và tự cởi hết đồ của mình, đẩy T nằm ngửa xuống nệm đặt dưới nền nhà, B khom người xuống hôn âm đạo của bé T. Lúc này T định lấy điện thoại gọi cho cậu T2 để kêu cứu thì bị B phát hiện, giật lấy và ném vào tường gạch làm vỡ màn hình cảm ứng. B tiếp tục dùng hai tay cầm hai chân T giang rộng ra và quỳ gối, dùng tay cầm dương vật đang cương cứng của mình đút vào âm đạo của T, giao cấu được một lúc rồi B nằm đè lên người T và tiếp tục giao cấu được khoảng 4 phút nữa rồi rút dương vật ra xuất tinh ở bên ngoài. Sau đó, B dùng áo thun của T mặc trước đó lau tinh dịch trên dương vật của mình rồi cả hai tự mặc quần áo. B dặn T “không được nói cho ai biết việc này”; T trả lời “nếu chú không giết cháu thì cháu sẽ không nói cho ai biết”. Nói xong, B bỏ đi, để lại một nón vải màu đen, còn T thấy áo thun mình vừa mặc có dính chất nhờn nên cởi hết quần áo bỏ lại phòng ngủ rồi đi tắm, thay bộ đồ khác. Đến 17 giờ cùng ngày, bà Nguyễn Thị Huyền T1 (mẹ của T) đi làm về, T kể lại sự việc cho mẹ rồi cả hai đến Công an xã A trình báo. Công an xã A lập hồ sơ, thu giữ vật chứng, chuyển Công an huyện B xử lý.

Kết luận giám định pháp y về tình dục số 04/TD.16 ngày 19/01/2016 của Trung tâm Pháp y - Sở y tế TP. Hồ Chí Minh, đối với Trần Nguyễn Quế T, kết luận (BL 53-55):

“+ Màng trinh: dẫn, không rách. Sung huyết vùng tiền đình.

+ Phết dịch âm đạo: nhuộm tinh trùng theo quy trình Christmas Tree Stain: Không thấy tinh trùng.

+ Không phát hiện tế bào người nam trong dịch âm đạo”.

Căn cứ Kết luận giám định pháp y về dấu vết sinh học số 05.DVSH.16 ngày 26/01/2016 của Trung tâm Pháp y - Sở y tế TP. Hồ Chí Minh, kết luận (BL 59-60):

“Có nhiều tinh trùng và các tế bào thượng bì bong trên áo thun”.

Căn cứ kết luận giám định pháp y về ADN số 1.011B-2016/ADN ngày 28/01/2016 của Trung tâm Pháp y - Sở y tế TP. Hồ Chí Minh, kết luận (BL 56-57):

“ADN hiện diện trong dấu vết dính trên cái áo thun chính là ADN của Lê Thiên B”.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra:

+ Bị cáo Lê Thiên B không thừa nhận hành vi phạm tội. Cụ thể bị cáo khai: Vào khoảng 10 giờ ngày 08/01/2016, bị cáo điều khiển xe đến nhà T2 chơi. Bị cáo gặp T2 nói chuyện 01 lúc, khoảng 11 giờ thì bị cáo điều khiển xe đến nhà Đ có đến nhà Đ và nhậu với Đ. Khoảng 13 giờ, bị cáo đi về. Trên đường về đã gặp bà T3. Bà T3 nhờ bị cáo chở đi vay tiền. Khi đi đến góc đường Cây Trâm và đường Đoàn Nguyễn Tuân thì xe bẻ bánh, bà T3 xuống xe đi đâu không biết. Còn bị cáo đã chạy xe bẻ bánh đến chỗ tiệm sửa xe N nhờ T4 sửa. T4 bảo bị cáo để xe đó, chút sửa. Do chỗ giữ xe cách nhà T2 không xa nên bị cáo đi bộ đến nhà T2 chơi. Lúc đến nhà T2, thấy cửa trước đóng, cửa sổ mở, nhìn vào không thấy ai nên bị cáo đi trở ra tiệm sửa xe. Lúc đó khoảng 15 giờ. Sau khi sửa xe xong bị cáo đi về nhà gặp ba bị cáo, sau đó xe hết xăng, bị cáo đến nhà K xin tiền đổ xăng rồi chạy qua Quận J gặp dì L. Trên đường về bị cáo bán chiếc xe máy và thuê khách sạn M ở qua đêm.

+ Người làm chứng trẻ Trần Tấn P khai: 14 giờ 40 ngày 08/01/2016 P nhận được tin nhắn của bạn là Trần Nguyễn Quế T nhắn với nội dung như T đã khai. Sau đó, không thấy T nhắn nữa nên P đã dùng điện thoại chụp lại màn hình nội dung trên. Đến ngày 09/01/2016, T có nhắn tin là bị người đàn ông đó hiếp dâm.

+ Người làm chứng bà Đặng Thị T3 khai: Khoảng 12 giờ 30 phút, bà có gặp B và nhờ B chở bà đi vay tiền. Đi được một lúc, B nói bánh xe sau giống bẻ, kêu bà xuống xe. Sau đó B chạy đi, bà đợi khoảng 15 phút không thấy quay lại nên bà về. Khi B chở, bà thấy B mặc quần sọc trắng, đội nón lưỡi trai.

+ Người làm chứng ông Cao Tứ Đ khai: tại biên bản ngày 01/3/2016 ông khai gặp B vào lúc 07 giờ ngày 08/01/2017. Ông xác định lời khai ngày 12/01/2016 khai gặp B ngày 09/01/2016 là không chính xác. Ông khai ông có nhậu với B cách đây 01 năm.

+ Người làm chứng ông Trần Công T4 khai: khoảng hơn 14 giờ ngày 08/01/2016 B có mang xe đến sửa, do đang bận sửa xe cho người khác nên B để xe lại nói vào trong hẻm một lúc. Khoảng 30-45 phút sau B quay lại nhưng xe vẫn chưa sửa xong nên B ngồi đợi thêm khoảng 30 phút nữa thì lấy xe chạy đi.

+ Người làm chứng Nguyễn Văn V, Trần Tấn S đều khai không có nhậu với bị cáo vào thời điểm khoảng 13 giờ ngày 08/01/2016.

+ Người làm chứng bà Hồ Thị Như H xác định ngày 08/01/2016 bà không chứng kiến Lê Thiên B ngồi nhậu với ai hết.

2. Tại bản cáo trạng số 257/CT-VKS ngày 05/9/2016, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Lê Thiên B về tội “Hiếp dâm trẻ em” theo khoản 1 Điều 112 Bộ luật Hình sự.

3. Bản án số 269/2016/HSST ngày 23/9/2016, Toà án nhân dân huyện B xử phạt bị cáo Lê Thiên B 13 (mười ba) năm tù về tội “Hiếp dâm trẻ em”.

4. Ngày 27/9/2016, bị cáo Lê Thiên B có đơn kháng cáo kêu oan, bị cáo cho rằng không thực hiện hành vi hiếp dâm trẻ T như bản án sơ thẩm đã tuyên.

5. Tại bản án hình sự phúc thẩm số 763/2016/HSPT ngày 22/12/2016, Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh huỷ án sơ thẩm với lý do một số thủ tục tố tụng đã vi phạm:

- Theo lời khai của bị hại Trần Nguyễn Quế T, Kết luận điều tra, Cáo trạng và Bản án sơ thẩm đều thống nhất xác định thời điểm xảy ra tội phạm là 14 giờ 45 phút ngày 08/01/2016 nhưng theo Biên bản khám nghiệm hiện trường thì thời gian tiến hành khám nghiệm hiện trường bắt đầu từ 10 giờ 30 phút ngày 08/01/2016, kết thúc vào lúc 11 giờ 30 phút cùng ngày là không phù hợp về thời gian.

- Khi tiến hành khám nghiệm hiện trường không có người chứng kiến. Bà Nguyễn Thị Huyền T1 là chủ nhà nơi có hiện trường vụ án, là người đại diện hợp pháp của bị hại và cũng là người tố cáo bị cáo phạm tội được xác định là chủ nhà trong phần đầu Biên bản khám nghiệm hiện trường nhưng lại ký tên dưới mục “người chứng kiến” trong biên bản, là không đúng quy định tại Điều 150 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003.

- Trong Biên bản khám nghiệm hiện trường có mô tả vị trí vật chứng nhưng không ghi nhận việc “thu lượm dấu vết, tài liệu, mẫu vật”. Đến 21 giờ 55 phút ngày 08/01/2016, Cơ quan điều tra lập Biên bản thu giữ vật chứng là không phù hợp với thời gian tiến hành khám nghiệm hiện trường (bắt đầu lúc 10 giờ 30 phút ngày 08/01/2016, kết thúc lúc 11 giờ 30 phút cùng ngày). Biên bản thu giữ vật chứng không mô tả vị trí vật chứng thu giữ tại hiện trường (nón vải màu đen, áo thun nữ, dao Thái Lan ...).

- Ngay sau khi thu giữ vật chứng, Cơ quan điều tra không niêm phong vật chứng tại nơi thu giữ (hiện trường vụ án) mà di chuyển vật chứng đến trụ sở Công an xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh để tiến hành niêm phong là không đúng quy định tại Điều 75 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003.

- Theo lời khai của bị hại Trần Nguyễn Quế T thì bị cáo cầm một vật gì đó giống con dao đe dọa bị hại để giao cầu trái ý muốn của bị hại. Bị hại khai không xác định được con dao mà cơ quan điều tra thu giữ có phải là hung khí mà bị cáo sử dụng để đe dọa bị hại không. Cơ quan điều tra thu giữ 01 con dao ở trên bàn, trong bếp nhà bị hại nhưng không thu thập vân tay trên dao, không cho bị hại nhận dạng dao. Không có tài liệu, chứng cứ chứng minh có sự liên hệ giữa con dao được thu giữ và công cụ mà bị cáo sử dụng để đe dọa bị hại nhưng Kết luận điều tra, Cáo trạng và Bản án sơ thẩm đều thống nhất kết luận bị cáo đã sử dụng con dao Thái Lan do Cơ quan điều tra thu giữ làm công cụ đe dọa, không chế bị hại để giao cầu trái ý muốn của bị hại là không có đủ căn cứ.

- Theo lời khai của bị hại thì sau khi giao cầu, bị cáo đã cầm áo thun của bị hại trên tay và lau ở vùng háng của bị cáo nhưng Cơ quan điều tra không thu thập vân tay trên áo thun.

- Bị hại khai khi thấy bị cáo đứng trước cửa nhà mình, bị hại đã lo sợ và nhắn tin qua mạng xã hội Zalo trao đổi với bạn học của mình là Trần Tấn P. Nhưng Cơ quan điều tra không kiểm tra tin nhắn điện thoại của bị hại mà chỉ kiểm tra điện thoại của người làm chứng Trần Tấn P. Theo lời khai của người làm chứng Trần Tấn P thì em đã xóa các tin nhắn với bị hại vào ngày 08/01/2016 chỉ còn lại hình ảnh có tin nhắn của bị hại mà em P đã chụp lại, Cơ quan điều tra không xác minh tại nhà cung cấp dịch vụ viễn thông về tính xác thực của nội dung tin nhắn trên số máy điện thoại di động của em P và bị hại.

Cơ quan điều tra lấy lời khai của người làm chứng Trần Tấn P (16 tuổi) và thu giữ vật chứng để chứng minh tội phạm nhưng lại có mặt bà Nguyễn Thị Huyền T1 tham dự với tư cách là người giám hộ cho em P hoặc là người chứng kiến là không đúng quy định của pháp luật vì bà T1 là người đại diện hợp pháp của bị hại (mẹ đẻ) và cũng là người tố cáo bị cáo phạm tội.

6. Sau khi nhận được hồ sơ điều tra bổ sung từ Toà án nhân dân huyện B yêu cầu khắc phục tố tụng Cơ quan điều tra đã bổ sung:

- Giải trình về thời gian trong biên bản khám nghiệm hiện trường: do thói quen nên ghi sai thời gian 24 giờ. Thời gian khám nghiệm hiện trường là 22 giờ 30 phút và kết thúc 23 giờ 30 phút (biên bản là 10 giờ 30 và kết thúc lúc 11 giờ 30 phút).

- Giải trình về việc thu giữ, niêm phong vật chứng: tại hiện trường có bản ảnh chụp lại vật chứng, vị trí vật chứng nên trong biên bản đã không mô tả vị trí. Do tại hiện trường không có các hộp giấy, keo dán, dấu công an xã để niêm phong nên đã thu giữ, bảo quản vận chuyển về trụ sở công an xã A tiến hành niêm phong.

- Giải trình về việc lấy lời khai người làm chứng dưới 16 tuổi nhưng không có đại diện hợp pháp mà mẹ của người bị hại là đại diện hợp pháp là do giám hộ của trẻ Trần Tấn P đi vắng.

- Bổ sung lời khai của những người mà bị cáo khai là nhậ chung với bị cáo tại thời điểm xảy ra sự việc và những lời khai này đều xác định không có việc gặp hay nhậ chung với bị cáo tại thời điểm như bị cáo khai.

- Bổ sung lời khai của người bị hại Trần Nguyễn Quế T, người làm chứng Trần Tấn P về tin nhắn trên điện thoại. Cả hai đều xác định nhắn trên phần mềm zalo, hiện đã xoá, không lưu giữ.

- Ngày 24/4/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện B đã có quyết định trưng cầu giám định số 692 giám định dấu vết vân tay trên cán dao và áo thun. Ngày 04/5/2017, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã có văn bản số 280/CV-PC54(KNHT) xác định: không phát hiện dấu vết đường vân trên các mẫu vật nói trên.

7. Tại bản cáo trạng số 66/CTr-VKS ngày 24/3/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh đã tiếp tục truy tố bị cáo Lê Thiên B về tội “Hiếp dâm trẻ em” theo khoản 1 Điều 112 Bộ luật Hình sự.

8. Ngày 28/8/2017, Toà án nhân dân huyện B đưa ra xét xử sơ thẩm lần 02.

Quyết định của án sơ thẩm:

- Xử phạt bị cáo Lê Thiên B 10 (mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/4/2016.

- Buộc bị cáo Lê Thiên B bồi thường cho người bị hại Trần Nguyễn Quế T số tiền 56.400.000 (năm mươi sáu triệu bốn trăm ngàn) đồng, bồi thường một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng; nghĩa vụ nộp án phí; quyền kháng cáo cho bị cáo, người bị hại, đại diện hợp pháp và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

9. Ngày 12 tháng 9 năm 2017, bị cáo Lê Thiên B có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ.

10. Tại phiên toà phúc thẩm:

10.1 Bị cáo khai nhận sự việc như tại cơ quan điều tra, tại phiên toà sơ thẩm lần 2: bị cáo xác định bị cáo kháng cáo kêu oan nhưng do cơ quan điều tra yêu cầu bị cáo cứ ghi giảm nhẹ hình phạt rồi ra Toà trình bày sau. Bị cáo xác định khi vào nhà T2 thì cửa cái khoá, cửa sổ mở. Trước đó, ngày 07/01/2016, bị cáo có nhậu tại nhà ông T2, sau khi có phê ma túy, bị cáo đã vào nhà vệ sinh nhà T2 để tự sướng và đã xuất tinh. Tuy nhiên, bị cáo không cung cấp được họ tên những người cùng nhậu chung tại thời điểm đó. Bị cáo xác định giữa bị cáo và ông T2 và gia đình T không có mâu thuẫn gì. Bị cáo và trẻ T không có bất cứ mối quan hệ tình cảm nào.

10.2 Người bị hại và Đại diện hợp pháp của người bị hại xác định những lời khai của bị hại tại cơ quan điều tra, tại các phiên toà trước là đúng sự thật. Bà T1 xác nhận bà có nghe con kể là bị cáo có cầm vật gì giống con dao để uy hiếp, khi thu thập chứng cứ thì con dao được lấy từ bếp và bé T nói giống được thu thập tại bếp trong nhà của bà; bà xác định chiếc điện thoại của con bà đã bị bể và sau đó bà có mua lại cái khác cho T. Đại diện hợp pháp và người bị hại đề nghị xem xét xử nghiêm trả lại danh dự cho trẻ T.

10.3 Trẻ Trần Tấn P và đại diện hợp pháp xác nhận lời khai của trẻ tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa là sự thật: trẻ T có nhắn tin cho P khi có người đàn ông xuất hiện tại nhà và sau đó có báo bị người đàn ông đó hiếp dâm.

10.3 Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: hành vi phạm tội của bị cáo đúng với nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố. Cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm xét thấy không có tình tiết mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuyên phạt bị cáo 10 năm tù giam.

10.4 Bị cáo bào chữa: bị cáo không thực hiện hành vi hiếp dâm. Bị cáo bị oan, tình trùng tìm được của bị cáo xuất là do bị cáo tự sướng trước đó 01 ngày ở nhà vệ sinh nhà T2. Bị cáo chỉ gặp trẻ T vài lần, không có bất cứ mối quan hệ tình cảm và mâu thuẫn gì. Bị cáo không hiếp dâm trẻ em.

10.5 Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại: Thực tế có sự việc hiếp dâm xảy ra tại thời gian, địa điểm như cáo trạng. Đồng quan điểm với Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về tội danh và hình phạt, đề nghị tuyên bị cáo mức án đúng người, đúng tội. Về trách nhiệm dân sự đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

10.7 Bị cáo nói lời sau cùng: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét minh oan cho bị cáo. Những gì bị cáo đã trình bày mong Hội đồng xét xử xem xét. Bị cáo không hiếp dâm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người đại diện hợp pháp và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

1. Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo Lê Thiên B phù hợp với quy định tại Điều 231, 234 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 nên được chấp nhận.

2. Về nội dung kháng cáo:

Bị cáo Lê Thiên B xác định bị cáo kháng cáo kêu oan nhưng do cán bộ trại giam bảo bị cáo ghi kháng cáo giảm nhẹ rồi ra Tòa trình bày sau nên bị cáo viết đơn kháng cáo xin giảm nhẹ đồng thời nhờ mẹ bị cáo làm đơn kêu oan gửi khắp nơi. Bị cáo không hiếp dâm trẻ T, mong Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo không phạm tội.

Xét thấy, trong quá trình tố tụng có biên bản ghi lời khai ban đầu của người làm chứng, thu thập tin nhắn trong điện thoại của trẻ P tại cơ quan điều tra xác định người đại diện hợp pháp của trẻ P không đúng quy định của Bộ luật Dân sự. Đối với việc thu thập con dao nhưng không tiến hành giám định dấu vân tay và điều này không thể khắc phục. Căn cứ khoản 1 Điều 64 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003, những chứng cứ được thu thập không đúng trình tự thủ tục tố tụng này không có giá trị, sẽ không được Hội đồng xét xử xem là chứng cứ.

Tuy nhiên, những sai sót này không làm thay đổi bản chất sự việc. Cơ quan điều tra đã thực hiện việc điều tra bổ sung, lấy lại lời khai của người làm chứng là trẻ P đúng quy định tố tụng và lời khai này một lần nữa được trẻ P và đại diện hợp pháp của trẻ xác nhận tại phiên toà không khác lời khai ban đầu, phù hợp lời khai của người bị hại.

Những vấn đề khác đã được cơ quan điều tra giải trình làm rõ. Đối với việc biên bản khám nghiệm hiện trường ghi thời gian là 10 giờ 30 nhưng sự việc xảy ra buổi chiều. Điều này đã được điều tra viên giải trình là việc khám nghiệm xảy ra buổi tối nhưng do thói quen đã ghi là 10 giờ 30 lẽ ra phải ghi là 22 giờ 30. Giải trình này có căn cứ chấp nhận vì tại biên bản khám nghiệm hiện trường này, mục “trong điều kiện” thể hiện: “buổi tối, ánh sáng đèn điện”.

Đối với việc vật chứng là chiếc áo dính tinh trùng của bị cáo. Bị cáo khai trước đó 1 ngày, sau khi nhậu có tự xử xuất tinh trong nhà tắm của T2. Cơ quan điều tra đã làm rõ không có cuộc nhậu ngày 07/01/2016 (BL43), đồng thời bị cáo mô tả nhà tắm không đúng với bản ảnh chụp tại hiện trường. Bị cáo thừa nhận đến ngày 10/01/2016, bị cáo mới bị công an triệu tập nên có căn cứ xác định công an không hề tiếp xúc với bị cáo trong khoảng thời gian từ khi khám nghiệm hiện trường đến khi niêm phong vật chứng là chiếc áo thun có tinh trùng mà đã được giám định pháp y kết luận là tinh trùng của bị cáo. Mặc khác, tinh trùng là vật chứng không thể nguy tạo. Trước khi xảy ra sự việc, có người làm chứng xác định bị cáo có đội nón (BL80). Sau sự việc, có người làm chứng xác định bị cáo không đội nón (BL100). Tại phiên toà bị cáo xác định, chiếc nón này là của bị cáo, bị cáo xác định trong khoảng thời gian đi vào nhà T2 do cửa ngoài khoá, bị cáo không vào được nhà. Chiếc nón này đã có tại hiện trường, có bản ảnh chụp vị trí tại hiện trường và có biên bản thu giữ vật chứng.

Căn cứ chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ, lời khai tại các phiên toà của người bị hại, người làm chứng, bị cáo, biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 08/01/2016 (BL203), bản ảnh (BL 205, 210), biên bản nhận dạng, biên bản đối chất (BL195), kết luận giám định pháp y về dấu vết sinh học (BL59), kết luận pháp y tình dục (BL53), kết luận giám định pháp y về ADN (BL56), cũng như diễn biến tranh tụng tại phiên toà hôm nay có đủ cơ sở xác định:

Sau khi để xe tại tiệm sửa xe N cho Trần Công T4 sửa. Khoảng 14 giờ 45 ngày 08/01/2016, bị cáo đi bộ vào nhà tìm T2 nhưng không gặp. Bị cáo thấy trẻ Trần Nguyễn Quế T ở nhà một mình tại địa chỉ C27/23, ấp 3, xã A, huyện B, bị cáo đã khống chế trẻ T vào phòng ngủ thực hiện hành vi giao cấu. Sau đó, bị cáo đã dùng áo thun của trẻ T mặc trước đó lau tinh dịch trên dương vật của mình. Bị cáo đã để lại một nón vải màu đen của bị cáo tại phòng ngủ nhà trẻ T. Khi bị cáo bước vào nhà, trẻ T có dùng điện thoại nhắn tin cho bạn là Trần Tấn P thông báo sự việc với thái độ lo lắng và sau đó có kể cho P nghe là ngay sau đó đã bị hiếp dâm. Sau khi thực hiện xong hành vi hiếp dâm, bị cáo đã trở lại tiệm sửa xe ngồi chờ lấy xe. Ngay sau khi mẹ đi làm về, trẻ T đã kể toàn bộ sự việc cho bà Nguyễn Thị Huyền T1 và cả hai đến Công an xã A trình báo. Công an xã A lập hồ sơ, thu giữ vật chứng, chuyển Công an huyện B xử lý.

Căn cứ lời khai của người bị hại tại cơ quan điều tra, tại các phiên Toà thì bị cáo đã có hành vi dùng dao khống chế buộc thực hiện hành vi giao cấu trái ý muốn.

Chứng cứ này thu thập không đúng trình tự tố tụng, không thể khắc phục được nên không có cơ sở xác định bị cáo có hành vi dùng vũ lực. Tuy nhiên, lời khai của người bị hại về sự xuất hiện của bị cáo nằm ngoài ý chí mong muốn của người bị hại, người bị hại đã muốn sử dụng điện thoại cầu cứu nhưng không được, lời khai này phù hợp vật chứng là chiếc điện thoại đã bị bể trong khi trước đó trẻ T vẫn còn sử dụng để nhắn tin với P, phù hợp nội dung tin nhắn điện thoại P còn lưu giữ, phù hợp với lời khai của người làm chứng khi trẻ kể lại sự việc, phù hợp lời khai của bị cáo là giữa bị cáo và người bị hại không có bất cứ mối quan hệ tình cảm, hứa hẹn để cùng thuận tình thực hiện hành vi quan hệ tình dục. Do đó, đủ cơ sở xác định bị cáo đã lợi dụng lúc trẻ T ở nhà một mình, không có người lớn bên cạnh, sự tương quan lực lượng, trong tình trạng không thể tự vệ để giao cấu trái với ý muốn của trẻ.

Căn cứ toàn bộ quá trình diễn biến sự việc có đủ cơ sở xác định bị cáo đã lợi dụng tình trạng của trẻ T không thể tự vệ để thực hiện hành vi giao cấu trái với ý muốn của trẻ. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, xâm hại tình dục trẻ chưa thành niên. Bị cáo đã thực hiện tội phạm đến cùng, tội phạm đã hoàn thành, hậu quả đã xảy ra. Đó là hành vi nguy hiểm cho xã hội.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm quyền bất khả xâm phạm thân thể, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của trẻ em được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tâm sinh lý, gây hoang mang, lo sợ, mất lòng tin vào con người, vào xã hội, ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường, toàn diện của trẻ chưa thành niên trong quá trình hình thành nhân cách. Do đó, cần có một mức án tương xứng để bị cáo thấy rằng hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, trái đạo đức xã hội, không thể chấp nhận. Đồng thời, để bị cáo hiểu rằng không phải do quá trình tiến hành tố tụng có sai sót thì bị cáo có thể phủ nhận mọi hành vi.

Như vậy, việc bị cáo kêu oan, cho rằng bị cáo không phạm tội là không được chấp nhận.

Về mức hình phạt đối với bị cáo: cấp sơ thẩm đã không xem xét tình tiết bị cáo lần đầu phạm tội và tình tiết gia đình tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại là tình tiết giảm nhẹ lý do bị cáo không đồng ý gia đình đưa tiền, cũng như gia đình bị cáo cho đó là việc làm từ thiện. Xét thấy, toàn bộ diễn biến vụ án, sau khi xảy ra sự việc, gia đình bị cáo đã qua nhà bị hại nhiều lần để thăm hỏi, gửi tiền sau đó khi biết bị cáo kêu oan, gia đình đặt niềm tin ở bị cáo nên e sợ việc này sẽ ảnh hưởng đến việc kết tội bị cáo, điều này phù hợp với tâm lý của người thân và thực tế người bị hại đã được bồi thường một phần dân sự, do bị cáo không có sự tác động gia đình bồi thường nên xem xét đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Tuy nhiên, sau khi cân nhắc, có áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy mức hình phạt mà cấp sơ thẩm quyết định đối với bị cáo là phù hợp nên giữ nguyên án sơ thẩm.

Những vấn đề khác không có kháng cáo kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: giữ nguyên án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo nên bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 241, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Lê Thiên B về việc bị cáo không phạm tội “Hiếp dâm trẻ em” và giữ nguyên bản án sơ thẩm. Cụ thể:

Tuyên bố bị cáo Lê Thiên B phạm tội “Hiếp dâm trẻ em”.

Áp dụng khoản 1 Điều 112; khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009);

Xử phạt: bị cáo Lê Thiên B 10 (mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/4/2016.

2. Về án phí: áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; điểm a khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 của Quốc Hội ngày 30/12/2016, khoản 2 Mục I Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo Lê Thiên B phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) và án phí hình sự phúc thẩm 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về dân sự, xử lý vật chứng không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- TAND Cấp cao tại TP.HCM; (2)
- VKSND TP.HCM; (2)
- Sở Tư Pháp; (1)
- Trại giam (PC81B); (1)
- P.PC53-CATP; (1)
- TAND, VKSND, THA, Công an huyện B, TP.HCM; (4)
- Những người tham gia tố tụng; (4)
- Lưu: Tòa án, hồ sơ. (7) (T/23)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Thị Diệp

